

Số: 200001078/PCBA-HN

Thành phố Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2020

**PHIẾU TIẾP NHẬN**

**Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A**

1. Tên cơ sở công bố: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG
2. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
3. Số văn bản đề nghị của cơ sở: 202/2020/ĐKLH-CV Ngày: 11/06/2020

4. Trang thiết bị y tế thuộc loại A

Tên trang thiết bị y tế: BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT NHA KHOA

Chủng loại/mã sản phẩm: Theo phụ lục

Tên cơ sở sản xuất: Theo phụ lục

Địa chỉ cơ sở sản xuất: Theo phụ lục

Tiêu chuẩn áp dụng: ISO 13485:2016

5. Thông tin về chủ sở hữu trang thiết bị y tế :

Tên chủ sở hữu: Tekno-Medical Optik-Chirurgie GmbH

Địa chỉ chủ sở hữu: Sattlerstrasse 11, 78532 Tuttlingen, Germany.

6. Thông tin về cơ sở bảo hành:

(1) Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Thương mại Công Vàng

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cố định: 02462620044      Điện thoại di động:

7. Thành phần hồ sơ:

1	Phụ lục chi tiết trang thiết bị y tế	X
2	Bản phân loại trang thiết bị y tế	X
3	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.	X
4	Giấy ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế	X
5	Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành	X
6	Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật TTBYT theo mẫu số 1 Phụ lục 8	X
7	Giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc Bản tiêu chuẩn mà chủ sở hữu trang thiết bị y tế công bố áp dụng	X

8	Kết quả đánh giá các thông số hóa, lý, vi sinh và các thông số khác do cơ sở đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp cấp đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước	x
9	Tài liệu hướng dẫn sử dụng của trang thiết bị y tế	x
10	Mẫu nhãn sẽ sử dụng khi lưu hành tại Việt Nam của trang thiết bị y tế	x
11	Giấy chứng nhận lưu hành tự do còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu hoặc Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế đối với TTBYT sản xuất trong nước	x

## **NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

Nguyễn Minh Hải  
Chánh Văn phòng

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM/ MÃ SẢN PHẨM	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
<b>BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT NHA KHOA</b>							
1	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	101-4174	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
2	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	19.199.00				
3	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	19.199.11				
4	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	19.199.12				
5	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	19.199.21				
6	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	19.199.22				
7	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	19.199.23				
8	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	19.199.24				
9	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.274.00				
10	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.274.01				
11	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.274.12				
12	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.274.50				
13	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.274.60				
14	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.275.00				
15	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.275.01				
16	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.275.02				
17	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.275.04				
18	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.277.01				
19	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.279.00				
20	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.281.15TC				
21	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.281.16				
22	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	19.283.10				
23	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	19.600.18				
24	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	19.600.25				
25	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.050.08				
26	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.050.09				
27	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.050.17				
28	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.050.25				
29	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.051.08				
30	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.051.09				
31	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.051.17				
32	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.051.23				
33	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.051.25				
34	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.052.08				
35	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.052.09				
36	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.052.17				
37	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.052.23				

38	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.052.25	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tương, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
39	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.053.08				
40	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.053.09				
41	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.053.17				
42	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.053.23				
43	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.053.25				
44	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.099.08				
45	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.099.09				
46	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.099.17				
47	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.099.23				
48	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.099.25				
49	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.101.08				
50	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.101.09				
51	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.101.17				
52	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.101.23				
53	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.102.08				
54	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.102.09				
55	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.102.17				
56	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.102.23				
57	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.104.09				
58	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.437.01				
59	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.437.02				
60	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.437.03				
61	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.437.04				
62	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.437.07				
63	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.453.03				
64	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.453.12				
65	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.453.22				
66	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.453.23				
67	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.454.01				
68	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.454.02				
69	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.454.03				
70	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.488.01				
71	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.488.02				
72	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.494.00				
73	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.532.02CI				
74	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.532.04S				
75	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.532.04SD				
76	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.532.06H				
77	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.532.23A				
78	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.532.35U				
79	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.534.02C				

80	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.534.04C	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tương, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
81	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.534.13C				
82	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.534.13G				
83	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.534.13MC				
84	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.534.17G				
85	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.534.17MC				
86	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.534.23				
87	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.535.11G				
88	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.535.15G				
89	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.536.01G				
90	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.536.03G				
91	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.536.05G				
92	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.536.05L				
93	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.537.04GX				
94	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.537.07G				
95	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.537.09G				
96	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.538.01L				
97	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.551.01				
98	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.551.03				
99	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.551.05				
100	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.551.07				
101	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.551.09				
102	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.551.11				
103	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.551.13				
104	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.565.05				
105	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.565.06				
106	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.708.25				
107	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.708.27				
108	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.708.29				
109	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.708.31				
110	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.709.35				
111	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.709.39				
112	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.709.41				
113	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.709.45				
114	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.733.18				
115	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.733.19				
116	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.733.20				
117	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.747.03				
118	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.748.01				
119	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.748.02				
120	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.748.03				
121	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.748.26				

122	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.748.50	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tương, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
123	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.748.51				
124	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.748.52				
125	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.748.53				
126	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.748.54				
127	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.748.55				
128	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.748.76				
129	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.748.77				
130	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.751.100				
131	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.751.101				
132	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.102				
133	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.103				
134	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.751.116				
135	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	24.751.117				
136	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.126				
137	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.150				
138	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.151				
139	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.152				
140	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.153				
141	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.154				
142	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.155				
143	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.156				
144	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.157				
145	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.158				
146	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.177				
147	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	24.751.178				
148	Finger-ring saw	Chiếc/Cái	24686-01*				
149	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-00				
150	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-01				
151	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-02				
152	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-03				
153	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-04				
154	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-05				
155	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-06				
156	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-07				
157	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-08				
158	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-10				
159	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-12				
160	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-15				
161	Tunnelers, Vascular	Chiếc/Cái	24846-16				
162	Tongs, Skull	Chiếc/Cái	24900-00				
163	Tongs, Skull	Chiếc/Cái	24901-00				

164	Tongs, Skull	Chiếc/Cái	24901-02	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
165	Tongs, Skull	Chiếc/Cái	24903-00				
166	Tongs, Skull	Chiếc/Cái	24903-01				
167	Trephines	Chiếc/Cái	24905-13*				
168	Trephines	Chiếc/Cái	24905-16*				
169	Trephines	Chiếc/Cái	24905-19*				
170	Trephines	Chiếc/Cái	24905-25*				
171	Mounts	Chiếc/Cái	24925-05*				
172	Spatula, cement	Chiếc/Cái	26.130.01				
173	Spatula, cement	Chiếc/Cái	26.130.02				
174	Spatula, cement	Chiếc/Cái	26.130.03				
175	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	26.200.00				
176	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	26.200.01				
177	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	26.200.02				
178	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	26.200.03				
179	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	26.200.04				
180	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	26.200.35				
181	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	26.200.36				
182	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	26.200.37				
183	Spatula, cement	Chiếc/Cái	26.260.00				
184	Spatula, cement	Chiếc/Cái	26.260.01				
185	Spatula, cement	Chiếc/Cái	26.260.02				
186	Spatula, cement	Chiếc/Cái	26.262.00				
187	Spatula, cement	Chiếc/Cái	26.262.01				
188	Spatula, cement	Chiếc/Cái	26.262.02				
189	Spatula, cement	Chiếc/Cái	31.184.13				
190	Spatula, cement	Chiếc/Cái	31.185.00				
191	Spatula, cement	Chiếc/Cái	31.185.01				
192	Spatula, cement	Chiếc/Cái	31.185.04				
193	Spatula, cement	Chiếc/Cái	31.185.10				
194	Spatula, cement	Chiếc/Cái	31.185.12				
195	Catheters, Urethral, Diagnostic	Chiếc/Cái	34880-02*				
196	Catheters, Urethral, Diagnostic	Chiếc/Cái	34880-03*				
197	Catheters, Urethral, Diagnostic	Chiếc/Cái	34880-04*				
198	Catheters, Urethral, Diagnostic	Chiếc/Cái	34880-05*				
199	Catheters, Urethral, Diagnostic	Chiếc/Cái	34880-06*				
200	Catheters, Urethral, Diagnostic	Chiếc/Cái	34881-00*				
201	Extractors, nail	Chiếc/Cái	36084-40				
202	Extractors, nail	Chiếc/Cái	37102-10				
203	Extractors, nail	Chiếc/Cái	37102-20				
204	Extractors, nail	Chiếc/Cái	37102-30				
205	Extractors, nail	Chiếc/Cái	37107-30				
206	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38116-29				

207	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38116-37	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
208	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38116-43				
209	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38116-51				
210	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38118-00				
211	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38250-00				
212	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38252-00				
213	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38254-00				
214	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38256-00				
215	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38317-05				
216	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38318-20				
217	Traction Units	Chiếc/Cái	38391-07*				
218	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38439-42*				
219	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38439-43*				
220	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38439-44*				
221	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38439-45*				
222	Extractors, nail	Chiếc/Cái	38504-00+				
223	Traction Units	Chiếc/Cái	38565-00*				
224	Traction Units	Chiếc/Cái	38580-01				
225	Traction Units	Chiếc/Cái	38580-02				
226	Traction Units	Chiếc/Cái	38580-03				
227	Traction Units	Chiếc/Cái	38580-04				
228	Traction Units	Chiếc/Cái	38580-05				
229	Traction Units	Chiếc/Cái	38581-01				
230	Traction Units	Chiếc/Cái	38581-02				
231	Traction Units	Chiếc/Cái	38581-03				
232	Traction Units	Chiếc/Cái	38582-01				
233	Traction Units	Chiếc/Cái	38582-02				
234	Tongs, Skull	Chiếc/Cái	38584-19				
235	Traction Units	Chiếc/Cái	38596-75				
236	Traction Units	Chiếc/Cái	38597-90				
237	Traction Units	Chiếc/Cái	38598-11				
238	Traction Units	Chiếc/Cái	38598-21				
239	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40040-01				
240	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40040-02				
241	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40041-01				
242	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40041-02				
243	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40043-01				
244	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40043-02				
245	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40044-01				
246	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40044-02				
247	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40045-01*				
248	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40045-02*				
249	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40045-03*				

250	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40045-04*	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
251	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40045-05*				
252	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40045-06*				
253	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40045-07*				
254	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40050-04				
255	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40050-05				
256	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40050-06				
257	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40050-07				
258	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40050-08				
259	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40050-09				
260	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40050-10				
261	Lens Expressors	Chiếc/Cái	40123-01				
262	Lens Expressors	Chiếc/Cái	40123-02				
263	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40180-02				
264	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40181-02				
265	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40182-02				
266	Magnets, Eye	Chiếc/Cái	40184-00				
267	Spuds, Eye	Chiếc/Cái	40189-07				
268	Lens Loops	Chiếc/Cái	40220-01				
269	Lens Loops	Chiếc/Cái	40220-02				
270	Lens Loops	Chiếc/Cái	40221-01				
271	Lens Loops	Chiếc/Cái	40221-02				
272	Lens Loops	Chiếc/Cái	40225-01				
273	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40235-01				
274	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40235-02				
275	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40236-01				
276	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40236-02				
277	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40236-03				
278	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40236-04				
279	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40236-05				
280	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40236-06				
281	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40236-07				
282	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40236-08				
283	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40236-09				
284	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40238-00				
285	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40238-15				
286	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40238-20				
287	Trephines, Corneal	Chiếc/Cái	40239-00				
288	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40240-01				
289	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40240-02				
290	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40242-01				
291	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40242-02				
292	Markers, Ocular	Chiếc/Cái	40244-01				

293	Markers, Ocular	Chiếc/Cái	40245-01	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
294	Markers, Ocular	Chiếc/Cái	40246-01				
295	Markers, Ocular	Chiếc/Cái	40249-00*				
296	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40274-14				
297	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40274-15*				
298	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40274-16				
299	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40274-17*				
300	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40274-18				
301	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40274-19*				
302	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40274-20				
303	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40274-22				
304	Ophthalmic Fixation Units	Chiếc/Cái	40274-24				
305	Markers, Ocular	Chiếc/Cái	40278-13				
306	Cystotomes	Chiếc/Cái	40430-01				
307	Cystotomes	Chiếc/Cái	40430-02				
308	Cystotomes	Chiếc/Cái	40430-03				
309	Trephines	Chiếc/Cái	48140-02*				
310	Trephines	Chiếc/Cái	48140-04*				
311	Trephines	Chiếc/Cái	48140-06*				
312	Trephines	Chiếc/Cái	48140-08*				
313	Trephines	Chiếc/Cái	48140-10*				
314	Trephines	Chiếc/Cái	48140-12*				
315	Trephines	Chiếc/Cái	48145-00*				
316	Trephines	Chiếc/Cái	48147-00				
317	Trephines	Chiếc/Cái	48147-01				
318	Trephines	Chiếc/Cái	48147-02				
319	Trephines	Chiếc/Cái	48147-03				
320	Trephines	Chiếc/Cái	48147-04				
321	Trephines	Chiếc/Cái	48147-05				
322	Trephines	Chiếc/Cái	48147-06				
323	Trephines	Chiếc/Cái	48147-07				
324	Trephines	Chiếc/Cái	48150-02				
325	Trephines	Chiếc/Cái	48150-03				
326	Trephines	Chiếc/Cái	48150-04				
327	Trephines	Chiếc/Cái	48150-05				
328	Trephines	Chiếc/Cái	48150-06				
329	Trephines	Chiếc/Cái	48150-07				
330	Trephines	Chiếc/Cái	48150-08				
331	Finger-ring saw	Chiếc/Cái	48188-01				
332	Finger-ring saw	Chiếc/Cái	48188-17				
333	Finger-ring saw	Chiếc/Cái	48190-01				
334	Finger-ring saw	Chiếc/Cái	48190-16				
335	Finger-ring saw	Chiếc/Cái	48192-01				

336	Finger-ring saw	Chiếc/Cái	48192-17	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
337	Extractors, nail	Chiếc/Cái	48194-16*				
338	Extractors, nail	Chiếc/Cái	48196-13				
339	Mounts	Chiếc/Cái	50029-00				
340	Mounts	Chiếc/Cái	50029-01				
341	Mounts	Chiếc/Cái	50029-02				
342	Mounts	Chiếc/Cái	50029-03				
343	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50035-10				
344	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50035-11*				
345	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50036-11				
346	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50040-07				
347	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50042-08				
348	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50044-09				
349	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50045-10				
350	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50047-11				
351	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50050-00				
352	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50050-06*				
353	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50050-10				
354	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50052-11				
355	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50053-10				
356	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50054-12				
357	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50056-13				
358	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50058-14				
359	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50060-10*				
360	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50062-11*				
361	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50063-10*				
362	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50064-12*				
363	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50066-13*				
364	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50068-14*				
365	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50070-10*				
366	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50072-11*				
367	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50075-00*				
368	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50076-09*				
369	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50078-09				
370	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50250-00				
371	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50250-01				
372	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50250-02				
373	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50250-03				
374	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50250-04				
375	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50250-05				
376	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50300-00				
377	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50300-01*				
378	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50301-00*				

379	Tuning Forks	Chiếc/Cái	50301-01*	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
380	Crushing forceps	Chiếc/Cái	51647-01				
381	Crushing forceps	Chiếc/Cái	51647-02				
382	Crushing forceps	Chiếc/Cái	51648-00				
383	Crushing forceps	Chiếc/Cái	51649-00				
384	Crushing forceps	Chiếc/Cái	51649-18				
385	Stripper	Chiếc/Cái	52250-06*				
386	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	52610-19				
387	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	70080-15				
388	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	70081-15				
389	Mounts	Chiếc/Cái	700-990				
390	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	70101-01*				
391	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	70101-02*				
392	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	70101-10*				
393	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	70205-06*				
394	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	70205-07*				
395	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-02*				
396	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-03*				
397	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-04*				
398	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-05*				
399	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-06*				
400	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-08				
401	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-08A*				
402	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-09				
403	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-10*				
404	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-11*				
405	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-17				
406	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-23				
407	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-34*				
408	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71100-40*				
409	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71101-08				
410	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71101-09				
411	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71101-17				
412	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71101-23				
413	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71110-03*				
414	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-02*				
415	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-02A*				
416	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-05*				
417	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-06*				
418	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-06A*				
419	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-07*				
420	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-17*				
421	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-18*				

422	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-20*	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tương, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
423	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-23*				
424	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-42*				
425	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71113-43*				
426	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71114-08*				
427	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71114-09*				
428	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71114-17*				
429	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71114-23*				
430	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71114-43*				
431	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71115-05				
432	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71115-08*				
433	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71115-09				
434	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71115-10*				
435	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71115-11*				
436	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71116-01				
437	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71116-05				
438	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71116-09				
439	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71117-01*				
440	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71117-02*				
441	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71117-03*				
442	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71117-03A*				
443	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71117-06*				
444	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71117-07*				
445	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71117-08*				
446	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71117-10*				
447	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71119-01*				
448	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71119-02*				
449	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71120-06				
450	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71120-12				
451	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71120-14				
452	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71120-71				
453	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71120-73				
454	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71120-75				
455	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71120-77				
456	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71120-79				
457	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71122-05*				
458	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71122-07*				
459	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71122-09*				
460	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71122-11*				
461	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71122-13*				
462	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71122-15*				
463	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71122-17*				
464	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71122-19*				

465	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71122-21*	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
466	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71125-25*				
467	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71125-27*				
468	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71125-29*				
469	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71125-31*				
470	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71125-33*				
471	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71125-35*				
472	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71126-01				
473	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71126-02				
474	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71126-03				
475	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71126-04				
476	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71126-05				
477	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71127-05				
478	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71127-14				
479	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71127-17				
480	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71127-18				
481	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71127-19				
482	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71127-20				
483	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71128-17*				
484	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71129-01*				
485	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71129-02*				
486	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71129-03*				
487	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71129-04*				
488	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71129-05*				
489	Excavators, Dental	Chiếc/Cái	71130-17*				
490	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71135-01*				
491	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71136-00*				
492	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71136-01*				
493	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71136-02*				
494	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71136-03*				
495	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71136-04*				
496	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-01*				
497	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-02*				
498	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-03*				
499	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-03A*				
500	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-04*				
501	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-04A*				
502	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-04B*				
503	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-05				
504	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-05A				
505	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-05B				
506	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-06				
507	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-07				

508	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-10	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
509	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-11				
510	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-12				
511	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-13				
512	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71137-14				
513	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71138-00				
514	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71138-01				
515	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71138-02				
516	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71138-11				
517	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71138-12				
518	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71138-13				
519	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71139-01*				
520	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71139-02*				
521	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71141-01				
522	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71141-02				
523	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71141-03				
524	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71141-04				
525	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71141-05				
526	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71141-64				
527	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71141-65				
528	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71141-66				
529	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71141-67				
530	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71143-01*				
531	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71143-02*				
532	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71143-03*				
533	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71143-04*				
534	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71143-05*				
535	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71143-06*				
536	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71143-07*				
537	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71145-01*				
538	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71145-02*				
539	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71145-03*				
540	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71147-00*				
541	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71148-03*				
542	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71149-07*				
543	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-05				
544	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-06				
545	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-07				
546	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-09				
547	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-10				
548	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-11				
549	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-46				
550	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-47				

551	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-48	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
552	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-58				
553	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-59				
554	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71150-60				
555	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71151-01				
556	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71151-02				
557	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71151-03				
558	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71151-04				
559	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71151-05				
560	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71151-06				
561	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71151-07				
562	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71152-01				
563	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71152-02				
564	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71152-03				
565	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71153-01				
566	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71153-02				
567	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71153-03				
568	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71153-04				
569	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71154-01				
570	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71154-02				
571	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71154-03				
572	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71154-04				
573	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71160-01				
574	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71160-02				
575	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71160-03				
576	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71160-04				
577	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71160-05				
578	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71160-06				
579	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71161-01				
580	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71161-02				
581	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71162-01				
582	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71183-01				
583	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71183-02				
584	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71183-03				
585	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71183-04				
586	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71183-05				
587	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71183-06				
588	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71183-07				
589	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71183-08				
590	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71184-01				
591	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71184-02				
592	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71184-03				
593	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71184-04				

594	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71189-17*	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
595	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71190-01*				
596	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71190-02*				
597	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71190-03*				
598	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71190-04*				
599	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71190-05*				
600	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71190-05A*				
601	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71190-06*				
602	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71190-07*				
603	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71193-01*				
604	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71193-02*				
605	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71193-03*				
606	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71193-04*				
607	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71193-05*				
608	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71193-13*				
609	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71193-45*				
610	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71195-12*				
611	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71195-34*				
612	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71195-56*				
613	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71195-78*				
614	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71196-30*				
615	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71196-31*				
616	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71197-01				
617	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71197-02				
618	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71197-03				
619	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71198-01*				
620	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71199-01				
621	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71199-02				
622	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71200-01*				
623	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71200-02*				
624	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71200-03*				
625	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71200-04*				
626	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71200-06*				
627	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71200-07*				
628	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71200-32*				
629	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71200-33*				
630	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71200-34*				
631	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71205-03*				
632	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71205-04*				
633	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71207-01*				
634	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71207-04*				
635	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71207-07*				
636	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71207-08*				

637	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71207-09*	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
638	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71208-11				
639	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71208-12				
640	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71208-13				
641	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71208-14				
642	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-01*				
643	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-02*				
644	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-03*				
645	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-04*				
646	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-05*				
647	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-06*				
648	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-07*				
649	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-08*				
650	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-09*				
651	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-10*				
652	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-11*				
653	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71209-12*				
654	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71210-01*				
655	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71210-04*				
656	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71210-05*				
657	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71210-06*				
658	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71210-11*				
659	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71211-04				
660	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71211-07				
661	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71211-56				
662	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-01				
663	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-02				
664	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-03				
665	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-04				
666	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-05				
667	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-06				
668	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-07				
669	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-08				
670	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-09				
671	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-10				
672	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-12				
673	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71212-23				
674	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71213-01				
675	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71213-02				
676	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71213-03				
677	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71213-04				
678	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71213-05				
679	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71213-06				

680	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71213-07	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
681	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71213-08				
682	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71213-09				
683	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71213-10				
684	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71215-01*				
685	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71215-02*				
686	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71215-03*				
687	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71220-00*				
688	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71230-00*				
689	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71235-13*				
690	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71235-14*				
691	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71235-17*				
692	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71235-18*				
693	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71235-25*				
694	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71235-26*				
695	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71235-29*				
696	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71235-30*				
697	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-01*				
698	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-03*				
699	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-09*				
700	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-11*				
701	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-23*				
702	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-27*				
703	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-33*				
704	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-35*				
705	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-47*				
706	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-49*				
707	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-50*				
708	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-53*				
709	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-54*				
710	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-61*				
711	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-62*				
712	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-77*				
713	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-78*				
714	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-79*				
715	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-80*				
716	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-82*				
717	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71240-84*				
718	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71245-01*				
719	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71245-03*				
720	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71245-05*				
721	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71245-11*				
722	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71245-12*				

723	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71245-17*	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
724	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71245-18*				
725	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71245-48*				
726	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71245-48S*				
727	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71250-01*				
728	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71250-02*				
729	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71250-03*				
730	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71250-04*				
731	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71250-05*				
732	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71250-06*				
733	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71255-01*				
734	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71255-02*				
735	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71255-03*				
736	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71255-04*				
737	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71255-05*				
738	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71255-06*				
739	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71257-01*				
740	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71257-02*				
741	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71257-03*				
742	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71257-04*				
743	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71260-01*				
744	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71260-02*				
745	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71263-01*				
746	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71263-02*				
747	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71265-28*				
748	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71265-31*				
749	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71265-33*				
750	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71266-01*				
751	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71266-02*				
752	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71267-03*				
753	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71267-04*				
754	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71267-05*				
755	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71267-06*				
756	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71268-01*				
757	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71268-02*				
758	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71268-03*				
759	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71268-04*				
760	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71269-01				
761	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71270-01*				
762	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71270-02*				
763	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71270-12*				
764	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71271-01*				
765	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71271-02*				

766	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71271-12*	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
767	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71273-12				
768	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71273-34*				
769	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71273-56*				
770	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71275-12*				
771	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71277-02*				
772	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71277-04*				
773	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71277-14*				
774	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71278-02				
775	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71278-04				
776	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71278-13				
777	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-00S*				
778	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-02*				
779	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-02S*				
780	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-04*				
781	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-04S*				
782	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-06*				
783	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-06S*				
784	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-08*				
785	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-08S*				
786	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-10*				
787	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-10S*				
788	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-12*				
789	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-12S*				
790	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-14*				
791	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71279-14S*				
792	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71280-01				
793	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71280-03				
794	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71280-05				
795	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71280-07				
796	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71280-09				
797	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71280-11				
798	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71280-12				
799	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71280-13				
800	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71280-14				
801	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71280-15				
802	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71280-17				
803	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71281-01				
804	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71281-03				
805	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71281-05				
806	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71281-07				
807	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71281-11				
808	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71281-12				

809	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71281-13	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
810	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71281-14				
811	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71281-15				
812	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71282-01				
813	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71282-03				
814	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71282-05				
815	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71282-07				
816	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71282-11				
817	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71282-12				
818	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71282-13				
819	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71282-14				
820	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71282-15				
821	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71282-17				
822	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71283-02				
823	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71283-03				
824	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71283-04				
825	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71283-05				
826	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71283-06				
827	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71284-01				
828	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71284-02				
829	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71284-03				
830	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71284-04				
831	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71284-05				
832	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71284-06				
833	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71284-07				
834	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71284-08				
835	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71285-01				
836	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71285-03				
837	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71285-05				
838	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71285-17				
839	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71286-00				
840	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71286-01				
841	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71286-02				
842	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71286-03				
843	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71286-04				
844	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71286-09				
845	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71286-10				
846	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71286-11				
847	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71286-12				
848	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71286-13				
849	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71286-24				
850	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71292-10				
851	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71292-20				

852	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71292-30	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
853	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71292-40				
854	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71292-50				
855	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71292-60				
856	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71292-70				
857	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71299-17*				
858	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71300-67*				
859	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71300-67/72*				
860	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71301-08*				
861	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71302-01*				
862	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71305-72*				
863	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71306-10				
864	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71306-20				
865	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71306-25				
866	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71306-30				
867	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71306-35				
868	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71306-40				
869	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71309-82*				
870	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71309-83*				
871	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71309-84*				
872	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71309-85*				
873	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71310-01*				
874	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71310-02*				
875	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71310-03*				
876	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71310-04*				
877	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71310-05*				
878	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71311-00*				
879	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71315-01*				
880	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71315-02				
881	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71317-01*				
882	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71319-01*				
883	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71319-02*				
884	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71325-00*				
885	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71327-03*				
886	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71327-03S*				
887	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71329-05*				
888	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71330-16*				
889	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71331-13*				
890	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71333-13*				
891	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71335-16*				
892	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71337-18*				
893	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71339-16*				
894	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71341-17*				

895	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71343-16*	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
896	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71345-31*				
897	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71347-01*				
898	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71349-13*				
899	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71349-17*				
900	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71403-01*				
901	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71403-02*				
902	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71403-06*				
903	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71403-07*				
904	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71405-01*				
905	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71405-02*				
906	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71405-04*				
907	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71407-00				
908	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71409-01				
909	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71409-02				
910	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71409-03				
911	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71409-04				
912	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71409-05*				
913	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71409-06*				
914	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71410-16*				
915	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71411-02*				
916	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71411-03*				
917	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71411-04*				
918	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71411-05*				
919	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71411-06*				
920	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71411-07*				
921	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71411-08*				
922	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71411-10*				
923	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71411-12*				
924	Spatula, cement	Chiếc/Cái	71411-15*				
925	Crushing forceps	Chiếc/Cái	71445-00				
926	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71448-00				
927	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71450-00				
928	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71450-01*				
929	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71450-02*				
930	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71450-03*				
931	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71451-00				
932	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71451-01				
933	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71451-02				
934	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71451-03				
935	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71452-17				
936	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71453-15				
937	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71454-14				

938	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71456-14	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
939	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71457-01				
940	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71457-02				
941	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71457-03				
942	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71460-14				
943	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71490-15				
944	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71495-01*				
945	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71495-02*				
946	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71496-00*				
947	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71510-00				
948	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71510-01*				
949	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71510-02*				
950	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	71511-00*				
951	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71515-00				
952	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71515-01				
953	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71515-02				
954	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71582-00*				
955	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71584-00*				
956	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71585-05*				
957	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71585-06*				
958	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71585-07*				
959	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71586-00				
960	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71588-01*				
961	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71588-02*				
962	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71590-05*				
963	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71590-06*				
964	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71590-07*				
965	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71593-00*				
966	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71593-01*				
967	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71595-02*				
968	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71597-03*				
969	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71597-04*				
970	Matrix Wedges, Dental	Chiếc/Cái	71597-05*				
971	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	71600-00*				
972	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72140-01*				
973	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72140-02*				
974	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72140-03*				
975	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72140-04*				
976	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72140-05*				
977	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72140-06*				
978	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72141-01*				
979	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72141-02*				
980	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72141-03*				

981	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72141-04*	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
982	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72141-05*				
983	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72141-06*				
984	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72145-02*				
985	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72145-04*				
986	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72145-06*				
987	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72146-02*				
988	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72146-04*				
989	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72146-06*				
990	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72150-01*				
991	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72150-02*				
992	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72150-03*				
993	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72150-04*				
994	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72150-05*				
995	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72150-06*				
996	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72151-01*				
997	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72151-02*				
998	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72151-03*				
999	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72151-04*				
1000	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72151-05*				
1001	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72151-06*				
1002	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72155-02*				
1003	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72155-04*				
1004	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72155-06*				
1005	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72156-02*				
1006	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72156-04*				
1007	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72156-06*				
1008	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72160-01*				
1009	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72160-02*				
1010	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72160-03*				
1011	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72160-04*				
1012	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72160-05*				
1013	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72160-06*				
1014	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72165-02*				
1015	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72165-04*				
1016	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72165-06*				
1017	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72170-01*				
1018	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72170-02*				
1019	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72170-03*				
1020	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72170-04*				
1021	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72170-05*				
1022	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72170-06*				
1023	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72175-02*				

1024	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72175-04*	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
1025	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72175-06*				
1026	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72180-01				
1027	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72180-02				
1028	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72180-03				
1029	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72180-04				
1030	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72180-05				
1031	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72181-01				
1032	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72181-02				
1033	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72181-03				
1034	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72181-04				
1035	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72182-01				
1036	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72182-02				
1037	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72183-01				
1038	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72183-02				
1039	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72184-01				
1040	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72184-02				
1041	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72185-01				
1042	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72185-02				
1043	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72185-03				
1044	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72185-04				
1045	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72185-05				
1046	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72186-00				
1047	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72186-01				
1048	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72186-02				
1049	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72186-03				
1050	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72186-04				
1051	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72187-01				
1052	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72187-02				
1053	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72188-01				
1054	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72188-02				
1055	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72188-03				
1056	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72188-04				
1057	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72189-01				
1058	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72189-02				
1059	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72189-03				
1060	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72190-01				
1061	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72190-02				
1062	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72190-03				
1063	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72191-01				
1064	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72191-02				
1065	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72191-03				
1066	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72192-00				

1067	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72192-01	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tương, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
1068	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72192-02				
1069	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72192-03				
1070	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72192-04				
1071	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72193-01				
1072	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72193-02				
1073	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72193-03				
1074	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72194-01				
1075	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72194-02				
1076	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72194-03				
1077	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72194-04				
1078	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72195-01				
1079	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72195-02				
1080	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72195-03				
1081	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72196-11				
1082	Trays, Impression, Dental	Chiếc/Cái	72196-13				
1083	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73100-01*				
1084	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73100-02*				
1085	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73110-01*				
1086	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73111-00*				
1087	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73112-00*				
1088	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73115-18				
1089	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73115-22				
1090	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73116-18				
1091	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73116-22				
1092	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73117-18				
1093	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73117-22				
1094	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73120-01*				
1095	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73130-01*				
1096	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73150-00				
1097	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	73150-01				
1098	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73394-13				
1099	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73394-14*				
1100	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73395-00				
1101	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73395-13				
1102	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73396-00				
1103	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73397-00				
1104	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73397-15*				
1105	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73398-00				
1106	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73398-00MS*				
1107	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73400-01				
1108	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73400-03				
1109	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73400-06*				

1110	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73400-07	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
1111	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73400-08*				
1112	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73400-09				
1113	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	73400-15*				
1114	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73410-12				
1115	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73410-12OS				
1116	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73410-13*				
1117	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73411-12*				
1118	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73412-12				
1119	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73412-12OS				
1120	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73412-13*				
1121	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73413-11OS				
1122	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73415-00*				
1123	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73415-12				
1124	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73415-12OS				
1125	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73416-00*				
1126	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73416-01*				
1127	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73416-02*				
1128	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73416-03*				
1129	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73416-04*				
1130	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73417-00*				
1131	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73417-01*				
1132	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73417-02*				
1133	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73417-03*				
1134	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73417-04*				
1135	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73500-01				
1136	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73500-02				
1137	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73500-03				
1138	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73500-04				
1139	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	73500-13				
1140	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	75100-13*				
1141	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	75102-13*				
1142	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	75104-13*				
1143	Crown removing forceps	Chiếc/Cái	75106-13*				
1144	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	75108-13*				
1145	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	75110-13*				
1146	Dental Hand Instruments, other	Chiếc/Cái	75112-13*				
1147	Drapes, Instrument	Chiếc/Cái	87026-01				
1148	Drapes, Instrument	Chiếc/Cái	87026-02				
1149	Drapes, Instrument	Chiếc/Cái	87026-03				
1150	Drapes, Instrument	Chiếc/Cái	87026-04				
1151	Drapes, Instrument	Chiếc/Cái	87026-05				
1152	Drapes, Instrument	Chiếc/Cái	87026-06				

1153	Drapes, Instrument	Chiếc/Cái	87026-07	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Tekno – Medical Optik – Chirurgie Đức	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
1154	Drapes, Instrument	Chiếc/Cái	87026-08				
1155	Drapes, Instrument	Chiếc/Cái	87026-09				
1156	Drapes, Instrument	Chiếc/Cái	87026-10				
1157	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	900-2543*				
1158	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	900-2544*				
1159	Dental Syringes, Anesthetic	Chiếc/Cái	900-3853*				
1160		Chiếc/Cái	95000-00				